TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 01 - 2022
V/v: "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Hồng Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà: Đặng Thị Thu.
Ông: Trần Xuân Văn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 242/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc "tranh chấp yêu cầu không công nhận là vợ chồng, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1967; nơi ĐKHK và cư trú: Tổ x, tổ dân phố y, phường B, TP. Đ, Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến M, sinh năm: 1964; nơi ĐKHK và cư trú: Tổ x, tổ dân phố y, phường B, TP. Đ, Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2021, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Tôi (P) và anh Nguyễn Tiến M lấy nhau có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán vào năm 1984, nhưng không đăng ký kết hôn trong khoảng thời gian từ năm 1984 đến năm 2000 chúng tôi chung sống với nhau tại thôn P, xã Y, huyện Ý , tỉnh Nam Định, từ năm 2001 đến nay chúng tôi vào Quảng Bình làm ăn và cư trú tại phường Bắc Lý, Đồng Hới Quảng Bình. Trong thời gian chung sống chúng tôi có nhiều mâu thuẫn. nguyên nhân chính do chúng tôi thường xuyên bất đồng quan điểm, không dung hòa, không tìm được tiếng nói chung, tính cách trái ngược thiếu tôn trọng nhau, anh Mạnh còn theo người khác có con riêng, đã làm mất lòng tin ở tôi dẫn đến vợ chồng cải vả xúc phạm, thậm chí anh M còn đánh đập tôi, chúng tôi đã

sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay không ai quan tâm nhau. Nay tình cảm không còn, tôi yêu cầu Tòa án công nhận tôi và anh M không phải là vợ chồng.

* Tại bản tự khai ngày 25/12/2021, biên bản hòa giải ngày 28/12/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tiến M trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị P đã được hai bên nội ngoại có tổ chức đám cưới vào năm 1984, vì điều kiện kinh tế khó khăn nên chúng tôi đi lên Tuyên Quang làm ăn, đến năm 2001 chúng tôi vào Quảng Bình nên chúng tôi không đăng ký kết hôn được. Từ năm 2013 đến nay chị P có 02 đứa con chung với tôi; quá trình chung sống tôi và chị vẫn sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì xãy ra, đến tháng 4/2021 vì điều kiện dịch bệnh tôi phải về quê chăm mẹ tôi ốm, nay mẹ tôi đã chết tôi trở lại Quảng Bình và sinh sống cùng vợ con, tôi không hiểu tại sao mà cô P lại làm đơn ra Tòa án yêu cầu Tòa án công nhận tôi và cô P không phải là vợ chồng, việc đó tôi không đồng ý vì thương con cái. Tại đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án đề ngày 30/12/2021 và tại phiên tòa ông M thay đổi ý kiến, ông chấp nhận yêu cầu của bà P đề nghị Tòa công nhận ông M và bà P không phải là vợ chồng và giải quyết việc nuôi con chung.

2. Về nuôi con chung: Bà P và ông M đều khai có 03 con chung cháu Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990, cháu Nguyễn Văn Thành C, sinh ngày: 22/12/2013, Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày: 22/12/2013. Hiện cháu H đã trưởng thành nên ông Mạnh và bà Phường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng 02 cháu Nguyễn Văn Thành C, sinh ngày: 22/12/2013, cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày: 22/12/2013.

- Ý kiến bà P nếu Tòa án giải quyết không công nhận tôi và anh Nguyễn Tiến M là vợ chồng thì nguyện vọng tôi xin nuôi hai cháu C, Y và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Ý kiến ông M nếu Tòa án giải quyết không công nhận tôi và cô Nguyễn Thị P là vợ chồng thì ông đồng ý giao hai con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại bà P đang quản lý tài sản là vườn cây đủ để nuôi 2 con, ông không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con, khi nào có điều kiện ông sẽ cấp dưỡng nuôi con sau.

3. Về tài sản chung:

- Ý kiến ông M trình bày ông bà chung sống với nhau có 01 ngôi nhà 03 tầng, địa chỉ ngôi nhà số X, đường Q, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và 01 vườn cây trị giá khoảng 01 tỷ, hiện nay bà P cất giữ Giấy CNQSD Đất. Hiện nay tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung tôi để lại cho các con.

- Ý kiến bà Phường trước đây tôi và ông M có có vườn cây để làm ăn nhưng do dịch bệnh, ông M bỏ nhà đi, bản thân tôi phụ nữ phải lo cho 02 con nhỏ không có thời gian chăm cây nên cây đã chết dần và không còn nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, đây là vụ án hôn nhân gia đình về "tranh chấp yêu

cầu không công nhận là vợ chồng, nuôi con chung" quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Đồng Hới nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Tiến M chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, mặc dù có tổ chức đám cưới, được gia đình họ hàng làng xóm thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Dù đã chung sống với nhau từ năm 1984 cho đến nay, hai bên đã phát sinh con cái tài sản chung nhưng ông bà vẫn không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình; vì vậy, hôn nhân của hai người là không hợp pháp. Từ tháng 4/2021 cho đến nay hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do hai bên luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu sự chia sẻ trách nhiệm, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng căng thẳng, thiếu tin tưởng và tôn trọng nhau, dẫn đến cải vả xúc phạm nhau và hai bên đã sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay không ai quan tâm nhau. Tòa án đã hòa giải để hai bên thực hiện việc đăng ký kết hôn trở lại sống chung nhưng không thành, bà P kiên quyết ly hôn và ông M cũng đồng ý.

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Tiến M là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Tiến M để hai người sớm ổn định cuộc sống.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà P và ông M đều khai có 03 con chung cháu Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990, cháu Nguyễn Văn Thành C, sinh ngày: 22/12/2013, Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày: 22/12/2013. Hiện cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng 02 cháu Nguyễn Văn Thành C, cháu Nguyễn Thị Như Y, hiện đang sống cùng bà P các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ.

Xét điều kiện thực tế và sự thỏa thuận của các đương sự cần chấp nhận đề nghị của bà P giao 02 cháu Nguyễn Văn Thành C, Nguyễn Thị Như Y, cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Cần chấp nhận đề nghị của bà P không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con nên ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận về chia tài sản chung; không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Tiến M là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao 2 cháu Nguyễn Văn Thành C, sinh ngày: 22/12/2013 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày: 22/12/2013 cho bà Nguyễn Thị P được trực tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận về chia tài sản chung; không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền bà P phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số 31AA/2021/ 0001035 ngày 12 tháng 11 năm 2021.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Sơn